

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG MUA SẮM

Số:...../2026/HĐ-CNSH/.....

Gói thầu: Mua sắm hóa chất đặc biệt phục vụ nghiên cứu
Thuộc dự toán: Mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ thường xuyên theo chương trình, đề án và nhiệm vụ thường xuyên khác theo chức năng năm 2026

PHẦN I – CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-CNSH ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Công nghệ sinh học Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy chế lựa chọn nhà thầu để mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ phục vụ hoạt động thường xuyên của Trung tâm Công nghệ sinh học;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ sinh học Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-KCNC ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh lần 3 giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-CNSH ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Công nghệ sinh học về việc phê duyệt dự toán mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ thường xuyên theo chương trình, đề án và nhiệm vụ thường xuyên khác theo chức năng năm 2026 ;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-CNSH ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Công nghệ Sinh học Thành phố Hồ Chí Minh về việc duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ thường xuyên theo chương trình, đề án và nhiệm vụ thường xuyên khác theo chức năng năm 2026.

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng, ngày ... tháng ... năm 2026 giữa Trung tâm Công nghệ sinh học Thành phố Hồ Chí Minh và ...

PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, chúng tôi gồm có các bên dưới đây:

1. Bên mua (gọi tắt là Bên A): TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC TP.HCM

Địa chỉ: 2374 Đường Đỗ Mười, Khu phố 10, P. Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện là bà: Hà Thị Loan

Chức vụ: Phó Giám đốc

(Giấy Ủy quyền số 460 /GUQ-CNSH ngày 01/07/2026 của Giám đốc Trung tâm Công nghệ sinh học Thành phố Hồ Chí Minh)

Điện thoại: (84-28) 37 153 792

Fax: (84-28) 38 91 69 97.

Mã số thuế: 0304026514

Mã ngân sách:

Tài khoản :

+ 9527.2.1007645.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực II.

+ 007.100.3682761 tại Vietcombank - CN Bắc Sài Gòn, PGD Nguyễn Ảnh Thủ.

2. Bên bán (gọi tắt là Bên B): ...

Địa chỉ:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ :

Điện thoại:

Fax:

Mã số thuế: 0304026514

Tài khoản :

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa theo danh mục được nêu tại phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục, nếu có);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Bên B phải đảm bảo hàng hóa mới 100%, đúng mẫu mã, hãng sản xuất, đảm bảo đúng chất lượng theo yêu cầu.

- Chứng từ kèm theo khi giao hàng: Biên bản giao nhận hàng hóa, ghi rõ thông tin về hàng hóa trên bao kiện đóng gói, điều kiện bảo quản, hạn sử dụng (nếu có), hóa đơn do Bộ tài chính quy định.

- Bên B phải thu hồi, đổi hàng trong vòng 01 tuần cho bên A trong trường hợp mặt hàng đã giao nhưng không đúng cam kết đã nêu trong hợp đồng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không thuộc bên A.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: **83.642.796 đồng** (Bằng chữ: .. đồng).

2. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

3. Đơn giá để ký hợp đồng là đơn giá trúng thầu, là giá cố định không được thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng và sẽ không có lý do gì nhà thầu được quyền tự ý thay đổi nếu không được sự chấp thuận của bên mời thầu và cấp có thẩm quyền.

4. Giá hợp đồng đã bao gồm: phí, lệ phí, các chi phí khác liên quan trong quá trình thực hiện công việc và đã bao gồm thuế GTGT.

5. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

b) Thời hạn thanh toán: thanh toán theo tiến độ giao hàng. Trường hợp cần bổ sung chứng từ do bên B thiếu thì thời điểm thanh toán sẽ tính từ thời gian bổ sung đầy đủ chứng từ hợp lệ cho bên A.

Điều 6. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: **05 tháng**, kể từ ngày ký hợp đồng (bao gồm cả ngày nghỉ lễ, nghỉ hàng tuần).

- Tiến độ thực hiện hợp đồng: Hoàn thành công tác nghiệm thu trước ngày 15/12/2026.

Điều 7. Điều chỉnh, bổ sung hợp đồng

Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Bên A;

b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;

d) Thay đổi địa điểm giao hàng;

đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

- Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh hoặc hạn chế do kiểm dịch.

- Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

- Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành đề tài thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8: Nghiệm thu:

- Nghiệm thu theo tiến độ giao hàng hoặc nghiệm thu một lần.

Điều 9: Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Hàng hóa mới 100%, đúng mẫu mã, hãng sản xuất, xuất xứ, đảm bảo chất lượng, chủng loại, đặc tính kỹ thuật, đóng gói, điều kiện bảo quản, hạn sử dụng (nếu có).

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ thực hiện hợp đồng, cụ thể là theo từng đợt khi có yêu cầu của Bên A.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: trong vòng 14 ngày kể từ khi có yêu cầu của Bên A, Bên B phải cung cấp đầy đủ hàng hóa và chứng từ liên quan đến Trung tâm Công nghệ sinh học.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 12: Thuởng phạt hợp đồng:

- Thuởng hợp đồng: Không có.

- Phạt hợp đồng: phạt 0,1% giá trị đối với khối lượng chậm tiến độ trên mỗi một tuần chậm, tổng mức phạt không quá 8% giá hợp đồng.

Điều 13: Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký nói trên. Không bên nào tự ý thay đổi nội dung hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng khi chưa có sự bàn bạc thống nhất với bên kia.

- Nếu có vấn đề gì phát sinh ngoài các điều trên, hai bên phải thông báo cho nhau biết và gặp nhau để giải quyết trên cơ sở có lý có tình và tôn trọng quyền lợi của nhau bằng phụ lục hợp đồng hoặc biên bản thỏa thuận.

- Nếu có thay đổi trong các điều khoản đã quy định, thì phải có sự thống nhất của hai bên tham gia ký kết mới có hiệu lực.

- Nếu bên nào vi phạm điều khoản hợp đồng, phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại cho bên kia theo pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký.

- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, bên A giữ 05 bộ, bên B giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký]

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC

Hà Thị Loan

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng số /2026/HĐ-CNSH/....., ngày ... tháng ... năm 2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại (nếu có)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Ghi chú/ Quy cách
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(11)x(12)	(14)
1	Chất chuẩn As					Mỹ/EU		Nồng độ: 1000 mg/L As trong 0.5 M HNO₃. Cấp độ: Chất chuẩn tham chiếu được chứng nhận (Certified reference material). Mức chất lượng: 300. Tiêu chuẩn: Phù hợp cho phương pháp EPA 200.7 và EPA 200.8. Độ pH: 0,5 (20 °C trong H₂O) Tỉ trọng: 1,013 g/cm³ ở 20 °C Nhiệt độ bảo quản: 15-25°C Phù hợp cho kỹ thuật AAS	Chai	1			500mL/chai

2	Chất chuẩn Cd					Mỹ/EU	Độ hòa tan: 1000 mg/L Cd trong dung dịch HNO ₃ 0,5 M Độ pH: 0,5 (20 °C trong H ₂ O) Cấp độ: Chất chuẩn tham chiếu được chứng nhận (Certified reference material). Mức chất lượng: 300. Tiêu chuẩn: Phù hợp cho phương pháp EPA 200.7 và EPA 200.8. Tỉ trọng: 1,013 g/cm ³ ở 20 °C Nhiệt độ bảo quản: 15-25°C Phù hợp cho kỹ thuật AAS, ICP	Chai	2			500mL/chai
3	Chất chuẩn Pb					Mỹ/EU	Nồng độ: 1000 mg/L Pb trong dung dịch HNO ₃ 0,5 M Cấp độ: Chất chuẩn tham chiếu được chứng nhận (Certified reference material). Mức chất lượng: 300. Độ pH: 0,5 (20 °C trong H ₂ O) Tỉ trọng: 1,02 g/cm ³ ở 20 °C Nhiệt độ bảo quản: 15-25°C Phù hợp cho kỹ thuật AAS	Chai	1			500mL/chai

4	Chất chuẩn Hg					Mỹ/EU	Nồng độ:: 1000 mg/L Hg trong dung dịch HNO₃ 2 M Tỉ trọng: 1,054 g/cm³ ở 20 °C Nhiệt độ bảo quản: 15-25°C Cấp độ: Chất chuẩn tham chiếu được chứng nhận (Certified reference material). Mức chất lượng: 300. Tiêu chuẩn: Phù hợp cho phương pháp EPA 200.7 và EPA 200.8. Phù hợp cho kỹ thuật AAS	Chai	1			500mL/chai
5	N-Nitrosodiethylamine					Mỹ/EU	"-Tên sản phẩm: N-Nitrosodiethylamine - dạng lỏng - Công thức hóa học: C₄H₁₀N₂O. - Trọng lượng công thức (Phân tử khối): 102,14 g/mol.	Chai	1			25mL/chai

6	Acid sulfuric					Châu Âu/Á		- Tên: Acid Sulfuric- Công thức hóa học: H_2SO_4- Khối lượng phân tử: 98,08 g/mol- Độ tinh khiết: 98%- Tỷ trọng hơi: <0,3 (25°C, so với không khí)- Mức chất lượng: 300- Áp suất hơi: 0,0001 hPa (20°C), 1 mmHg (146°C)- Dòng sản phẩm: EMSURE®- Hàm lượng: ≥98% (chuẩn độ kiểm)- Dạng: Dạng lỏng- Tạp chất: ≤0,0002% Các chất khử kali permanganat (tính theo SO_2)- Cặn sau nung: ≤0,0005%- Màu sắc: APHA: ≤10- pH: 0,3 (25°C, 49 g/L trong nước)- Phù hợp cho nghiên cứu phòng thí nghiệm, không dùng làm sàng	Chai	5			1lít/chai
7	Acetone - $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$					Châu Âu/Á		Công thức hóa học: CH_3COCH_3 Độ tinh khiết: >99.5%	Chai	20			500mL/chai

8	Acid Acetic (glacial) 100%					Châu Âu/Á	Công thức hóa học: $\text{CH}_3\text{CO}_2\text{H}$ Khối lượng phân tử: 60.05 Cấp độ: Tinh khiết (ACS reagent).Mức chất lượng: 300Trạng thái vật lý: Dạng lỏng Độ tinh khiết: $\geq$ 99.8% Chỉ số lý hóa:Điểm sôi: 117-118°C Điểm nóng chảy: 16.2°C Điểm chớp cháy: 39°C Tỷ trọng: 1.04 g/mL ở 25°C Áp suất hơi: 15.4 hPa ở 20°C Độ hòa tan: Tan trong nước (602.9 g/L) Thành phần tạp chất điển hình:Chloride (Cl-): $\leq$ 0.4 ppm Phosphate (PO4 3-): $\leq$ 0.4 ppm Sulfate (SO4 2-): $\leq$ 0.4 ppm Kim loại nặng (tính theo Pb): $\leq$ 0.5 ppm Mức ứng dụng: Đạt tiêu chuẩn Cấp độ EMSURE® (phân tích cao ACS, ISO, Reag. Ph Eur).	Chai	4			1lít/chai
---	-------------------------------------	--	--	--	--	--------------	---	------	---	--	--	-----------

9	Acid clorhidric HCl					Châu Âu/Á		Công thức hóa học: HCl Khối lượng phân tử: 36.46.Nồng độ: 37.0 - 38.0% HCl.Trạng thái vật lý: Dạng lỏng Chỉ số lý hóa:Áp suất hơi: 190 hPa (20°C); 3.23 psi (21.1°C); 7.93 psi (37.7°C).Tỷ trọng hơi: 1.3 (so với không khí).Đạt tiêu chuẩn phân tích EMSURE (ACS, ISO, Reag. Ph Eur).Mức chất lượng: 300	Chai	2			1lít/chai
10	KMnO4					Châu Âu/Á		Kali pemanganat (thuốc tím) là một hợp chất vô cơ có công thức hóa học KMnO4, được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như hóa học, y tế và xử lý môi trường. Đây là chất oxy hóa mạnh, thường được dùng trong các phản ứng phân tích, khử trùng và xử lý nước. Sản phẩm được đóng gói với định lượng 500 g/chai.	Chai	13			500g/chai

11	Methanol					Mỹ/EU	Công thức hóa học: CH_3OH Khối lượng phân tử: 32.04 Cấp độ: Tinh khiết (ACS reagent). Mức chất lượng: 300. Trạng thái vật lý: Dạng lỏng Độ tinh khiết (GC): $\geq 99.9\%$ Chi số lý hóa: Điểm sôi: 64.7°C Điểm nóng chảy: -98°C Điểm chớp cháy: 9.7°C Tỷ trọng: 0.791 g/mL ở 25°C Áp suất hơi: 128 hPa ở 20°C Chiết suất ($n_{20/D}$): 1.329 Độ nhớt động học: $0.54 - 0.59 \text{ cSt}$ ở 20°C Đạt tiêu chuẩn Cấp độ EMSURE (phân tích cao ACS, ISO, Reag. Ph Eur).	Chai	17			2,5lít/chai
----	----------	--	--	--	--	-------	---	------	----	--	--	-------------

12	Phenol					Châu Âu/Á	Công thức phân tử: C₆H₆O Khối lượng phân tử: 94,11 g/mol Dạng: tinh thể rời hoặc chất rắn kết tinh Màu sắc: không màu đến trắng Nhiệt độ nóng chảy: 39-42°C Nhiệt độ sôi: 182°C Áp suất hơi: khoảng 0,4 mbar ở 20°C pH: ~ 4 Đáp ứng tiêu chuẩn Ph. Eur., BP và USP.	Chai	3			1kg/chai
----	--------	--	--	--	--	-----------	--	------	---	--	--	----------

13	Toluene					Châu Âu/Á	Công thức hóa học: $C_6H_5CH_3$ Khối lượng phân tử: 92.14 Độ tinh khiết (GC): $\geq 99.9\%$ Cấp độ: Tinh khiết phân tích (ACS reagent). Mức chất lượng: 300 Tiêu chuẩn: Đáp ứng thuốc thử ISO, Reag. Ph. Eur. Trạng thái vật lý: Dạng lỏng, không màu Chỉ số lý hóa: Điểm sôi: 110 - 111°C Điểm nóng chảy: -93°C Điểm chớp cháy: 4°C Tỷ trọng: 0.865 g/mL ở 25°C Áp suất hơi: 22 mmHg (20°C); 26 mmHg (25°C) Chiết suất (n/D): 1.496 Độ nhớt động học: 0.7 cSt (20°C) Độ hòa tan: 0.52 g/L Tạp chất: Asen (As): $\leq 0.000002\%$ Độ axit: ≤ 0.0002 meq/g. Độ kiềm: ≤ 0.0006 meq/g. Benzene (GC): $\leq 0.005\%$ Nước: $\leq 0.03\%$ Chloride (Cl): ≤ 0.5 ppm. Sulfate (SO₄): ≤ 1 ppm. Bảo quản : 2-30°C	Chai	2			1Lít/chai
----	---------	--	--	--	--	-----------	---	------	---	--	--	-----------

14	3,5-dichlorophenol					Châu Âu/Á		- Công thức hóa học: $C_6H_4Cl_2O$- Trạng thái: Dạng rắn- Màu sắc: màu vàng đến nâu nhạt- Khối lượng mol: 163 g/mol- Điểm nóng chảy: $64^{\circ}C$ - $68^{\circ}C$- Độ tinh sạch: $\geq 98,5\%$- Phở hồng ngoại: phù hợp. - Dùng trong nghiên cứu môi trường, diệt vi khuẩn, ức chế nấm	Lọ	1			10g/lọ
15	Methanol for LC MS					Mỹ/EU		Công thức phân tử: CH_4O Khối lượng phân tử: 32,04 g/mol Hàm lượng: $\geq 99,9\%$ Chất lỏng không màu Khối lượng riêng: 0,791 g/cm³ Nhiệt độ nóng chảy: $-98^{\circ}C$ Nhiệt độ sôi: $64,7^{\circ}C$ Điểm chớp cháy: $12^{\circ}C$ Áp suất hơi: 128 hPa tại $20^{\circ}C$ Độ nhớt: 0,55 cP tại $20^{\circ}C$ Hàm lượng nước $\leq 0,02\%$. Đáp ứng tiêu chuẩn Ph. Eur., BP và USP.	Chai	22			4lít/chai

16	2-mercap toethanol					Châu Âu/Á		Công thức hóa học: C_2H_6OS Khối lượng phân tử: 78.13 Trạng thái vật lý: Chất lỏng trong suốt, không màu Độ tinh khiết: $\geq$ 99.0% Thành phần tạp chất và độ an toàn: Nước: $\leq$ 0.5% DNase: Không có RNase: Không có Protease: Không có Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng	Chai	2			100mL/chai
----	-----------------------	--	--	--	--	--------------	--	---	------	---	--	--	------------

17	Trichloroacetic acid					Châu Âu/Á	Tên sản phẩm: Trichloroacetic acid Cấp độ: Reagent grade hoặc tương đương Công thức: $C_2HCl_3O_2$ CAS: 76-03-9 Ngoại quan: Dung dịch trong, không màu Định lượng: $\geq 99\%$ Điểm nóng chảy: 54 – 58°C Tro sau nung: $\leq 0.03\%$ Tạp chất: $Cl^- \leq 0.005\%$; $NO_3^- \leq 0.002\%$; $PO_4^{3-} \leq 0.002\%$; $SO_4^{2-} \leq 0.02\%$; $Fe \leq 0.001\%$; Kim loại nặng $\leq 0.002\%$ Độ trong dung dịch: trong suốt, không màu Chất bị sẫm màu bởi H_2SO_4: Đạt yêu cầu	Chai	3			250g
----	----------------------	--	--	--	--	-----------	---	------	---	--	--	------

18	Isopropanol					Châu Âu/Á	Isopropanol, Isopropanol, 2-Propanol, Isopropyl Alcohol (IPA), Cấp độ (Grade): Optima™ LC/MS (Chuyên dụng cho sắc ký lỏng khối phổ và UHPLC-UV), Độ tinh khiết : >99,9%, là chất lỏng, không màu có công thức hóa học C ₃ H ₈ O. Độ pH 7 , Tỷ trọng 0,785 g/cm khối; Áp suất hơi 43 mmHg (ở 20 độ C); Độ nhớt 2,27 mPa·s (ở 20 độ C), Hàm lượng cặn và kim loại cực thấp giúp bảo vệ cột sắc ký và hệ thống UHPLC, thích hợp cho các phân tích định lượng vi lượng, nghiên cứu dược phẩm, Proteomics, và Metabolomics. Quy cách đóng gói trong chai thủy tinh 4l.	Chai	4			4lít/chai
Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):												

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký]

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký]

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền nội dung tại các cột: (1), (2), (7), (9), (10), (11), (14).

- Nhà thầu điền từ cột (3), (4), (5), (6), (7), (8) và (12), (13):

(12), (13): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

(7): Nhà thầu điền cụ thể xuất xứ (theo quốc gia, vùng lãnh thổ) của hàng hóa tham dự.